TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Bằng;

Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 824/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn Q, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Quách Hồng S, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Mai Văn Q trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông Q và bà S kết hôn với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, kinh tế gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không còn

hạnh phúc và không thể duy trì nên ông Q yêu cầu được ly hôn với vợ là bà Quách Hồng S.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Mai Trường Bá Th, sinh ngày 16/11/2005 (nam) và Mai Thị Như T, sinh ngày 03/3/2014 (nữ), hiện sống chung với bà S. Do 02 người con muốn sống chung với bà S nên khi ly hôn ông Q đồng ý giao 02 người con là Mai Trường Bá Th và Mai Thị Như T cho bà S nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà Quách Hồng S:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà bà S không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông Q. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 03 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà S không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Quách Hồng S đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà S là đúng với quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông Q và bà S có thời quen biết, tìm hiểu nhau nên tiến đến hôn nhân vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55 ngày 30 tháng 5 năm 2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông Q và bà S được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông Q xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, kinh tế gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Mặt khác, bà S đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ ba, nhưng bà S vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy bà S cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà S với ông Q. Vì vậy, Hội đồng xét

xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà S với ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q. Ông Q được ly hôn với bà S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Mai Trường Bá Th, sinh ngày 16/11/2005 (nam) và Mai Thị Như T, sinh ngày 03/3/2014 (nữ), hiện sống chung với bà S. Do 02 người con muốn sống chung với bà S nên khi ly hôn ông Q đồng ý giao 02 người con là Mai Trường Bá Th và Mai Thị Như T cho bà S nuôi dưỡng và chăm sóc. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án có nhận được đơn trình bày nguyện vọng của cháu Th và cháu T thì 02 cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của 02 cháu, giao con tên Mai Trường Bá Th và Mai Thị Như T cho bà S được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông Q phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Văn Q. Ông Mai Văn Q được ly hôn với bà Quách Hồng S.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Quách Hồng S nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con tên Mai Trường Bá Th, sinh ngày 16/11/2005 (nam) và Mai Thị Như T, sinh ngày 03/3/2014 (nữ).

Ông Q không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông Q phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông Q có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004340 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Lợi An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo